ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG TÂN AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:2156/QĐ-UBND	*Tân An, ngày 28 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông KA3

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TÂN AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chất lượng xây dựng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 050/2025/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về thẩm quyền trong quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 24/07/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và bổ sung ngân sách có mục tiêu năm 2026 cho các địa phương từ nguồn tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách cấp tỉnh năm 2025 để thực hiện nhiệm vụ, dự án cấp thiết trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 14/09/2026 của UBND phường Tân An về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công năm 2026 trên địa bàn phường Tân An;

Căn cứ Quyết định số 2032/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của UBND phường Tân An về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công và nguồn vốn chi đầu tư phát triển khác năm 2026;

Xét Thông báo số 327/TB-KTHT&ĐT ngày 28/10/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông KA3;

Theo đề nghị của Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công tại Tờ trình số 71/TTr-TTCUDVSNC ngày 22/10/2026 về việc Thẩm định và Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông KA3.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông KA3 với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông KA3.

2. Nhóm dự án, loại và cấp công trình chính của dự án, thời hạn sử dụng công trình chính theo thiết kế: Dự án nhóm C, công trình giao thông, cấp IV; thời hạn sử dụng của công trình chính theo quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

3. Địa điểm xây dựng: Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND phường Tân An.

5. Chủ đầu tư: Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phường Tân An.

6. Tổ chức Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Giao thông II.

7. Tổ chức Tư vấn thẩm tra thiết kế - dự toán công trình: Công ty TNHH Trắc địa và xây dựng Duy Nam.

8. Mục tiêu dự án: Bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn; từng bước hoàn thiện hạ tầng giao thông, nâng cao khả năng kết nối, giảm ùn tắc và tai nạn giao thông; góp phần chỉnh trang đô thị, cải thiện đời sống Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của địa phương.

9. Quy mô đầu tư xây dựng và giải pháp chủ yếu:

Nâng cấp, sửa chữa tuyến đường hiện trạng, tổng chiều dài L = 419,03 m; điểm đầu Km0+00,00 giao đường vành đai Quốc lộ 14 - Quốc lộ 26, điểm cuối Km0+419,03 giao đường Đ.A; loại công trình giao thông đường bộ (đường đô thị, đường nội phố), cấp IV; vận tốc thiết kế Vtk = 40 km/h. Cụ thể:

a) Nền, mặt đường: Bề rộng nền đường Bnền = 9,20 m; bề rộng mặt đường Bmặt = 7,50 m (gồm phần bó vỉa 0,25 m x 2 bên); hè đường Bhè = 0,85 m x 2 bên = 1,70 m (gồm phần bó vỉa 0,35 m x 2 bên); nền đường đào, đắp xử lý đạt độ chặt K ≥ 0,95. Kết cấu áo đường từ trên xuống: bê tông nhựa chặt C12,5 dày 5 cm; tưới nhũ tương dính bám CRS-1 tiêu chuẩn 0,5 kg/m²; bê tông nhựa chặt C19 dày 6 cm; tưới nhựa đường lỏng MC70 thấm bám tiêu chuẩn 1,0 kg/m²; móng cấp phối đá dăm loại I Dmax = 25 mm dày 15 cm và loại II Dmax = 37,5 mm dày 15 cm, độ chặt K ≥ 0,98; dốc ngang mặt đường 2%.

b) Bó vỉa: bê tông xi măng đá 1x2 mác 250, rộng 60 cm (25 cm trong phạm vi mặt đường, 35 cm trong phạm vi hè đường), cao 26 cm phía lòng đường, 38,5 cm phía hè đường.

c) Thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa gồm hố thu, hố thăm bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250 có lưới chắn rác bằng thép mạ kẽm; cống dọc bê tông cốt thép ly tâm D800 (đệm móng cấp phối đá dăm Dmax = 37,5 mm dày 25 cm) và cống ngang bê tông cốt thép ly tâm D400 (móng bê tông đá 1x2 mác 200 trên lớp dăm đệm dày 10 cm) đặt dưới lòng đường, dẫn ra hệ thống thoát nước hiện trạng; tải trọng thiết kế HL93.

d) An toàn giao thông: sơn vạch kẻ đường phân làn xe chạy ngược chiều (vạch 1.1) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT.

đ) Cổng chào: 02 trụ cổng kích thước (0,9x0,9) m, lõi trụ bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250 xây bọc gạch, trát vữa xi măng, sơn hoàn thiện; mái lợp tôn giả ngói trên hệ xà gồ, đà trần thép hộp, trần bọc tôn lạnh; bảng tên bê tông cốt thép dài 9 m, chữ inox màu vàng; móng đơn bê tông cốt thép đá 1x2 mác 250 trên lớp bê tông lót đá 4x6 mác 100.

10. Danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

- QCVN 07-4:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình giao thông;
- QCVN 07-2:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật - Công trình thoát nước;
- QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ;
- TCVN 13592:2022 - Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế;
- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN - Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 9436:2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 13567-1:2022 - Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường;
- TCVN 7493:2005 - Bitum - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 9113:2012 - Ống bê tông cốt thép thoát nước;
- TCVN 5574:2018 - Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 4453:1995 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN - Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;

- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành hiện hành khác có liên quan và các tiêu chuẩn đã được đề cập trong thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng: **6.500.000.000 đồng** *(Bằng chữ: Sáu tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn)*.

Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

- Chi phí xây dựng	:	5.899.247.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	129.299.000 đồng
- Chi phí tư vấn xây dựng	:	436.679.000 đồng
- Chi phí khác	:	34.775.000 đồng
- Chi phí dự phòng	:	0 đồng

12. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026-2027.

13. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí theo tiến độ thực hiện dự án:

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách phường Tân An năm 2026 tại Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 24/07/2026 của UBND tỉnh Đắk Lắk).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư thực hiện Quản lý dự án.

15. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên; phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Không có.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung ghi tại Điều 1 Quyết định này và Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án số 327/TB-KTHT&ĐT ngày 28/10/2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND phường; Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị; Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND Phường;
- Kho bạc Nhà nước Khu vực XIV – PGD số 7;
- Lưu: VT, KTHT&ĐT.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D PHƯỜNG TÂN AN T.ĐẮK LẮK

Phạm Trung Nghĩa